

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 20 - 02 - 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Lợi và bà Hoàng Thị Phụng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Toà án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Xuân C**, sinh ngày 03/05/1976; nơi sinh: Tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 11, ngõ 134, đường T, tổ 10, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Xuân M (ông M được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất) và bà Nguyễn Thị O; vợ là chị Phạm Thị H và có 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ tháng 02/1995 đến ngày 19/01/1998, bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự tại Trường Huấn luyện bay và Kỹ thuật không quân; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10 ngày 04/12/2006 của Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Cảnh cáo bị cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 1253/QĐ-CT ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thời hạn 12 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 26/12/2007; Bản án số 93/2010/HSST ngày 21/7/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành

xong thời gian thử thách ngày 21/01/2012, nộp xong án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 4664 ngày 22/11/2010; bị tạm giữ từ ngày 09/12/2023, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay, trích xuất có mặt.

* Người chứng kiến:

- Ông Lê Thanh T, sinh năm 1970, nơi cư trú: Số nhà 08, đường P, tổ 18, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Ông Phạm Ngọc B, sinh năm 1976, nơi cư trú: Thôn S, xã V, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số nhà 11, ngõ 134, đường T, tổ 10, phường X, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 09/12/2023, tại đường Đồng Lôi, thuộc khu vực tổ 03, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình phát hiện bị cáo Lưu Xuân C có biểu hiện liên quan đến ma túy nên yêu cầu bị cáo dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của những người chứng kiến, bị cáo C tự giác lấy từ túi quần bên phải của C ra 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu xanh giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là ma túy, loại Methamphetamine, nguồn gốc của gói ma túy là do trước đó khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/12/2023, tại khu vực tái định cư đường Đ, tổ 03, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo C mua của một người nam giới (bị cáo không biết họ và tên, địa chỉ) giá 300.000 đồng sau đó bị cáo đi tìm nơi để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang. Tổ công tác niêm phong túi ma túy vào một phong bì rồi yêu cầu bị cáo C và mời những người chứng kiến về trụ sở Công an phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình để làm việc. Tại trụ sở Công an phường, tổ công tác kiểm tra người bị cáo C, thu tại túi quần bên trái của bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, thu tại túi quần hậu bên phải của bị cáo C 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Xuân C, kiểm tra xe mô tô của bị cáo C nhưng không phát hiện được gì. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản quản lý, niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 1760/KL-KTHS ngày 13/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu vật quản lý của Lưu Xuân C gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2360 gam (*Không phải hai nghìn ba trăm sáu mươi gam*)”.

Tại cơ quan điều tra những người chứng kiến ông Lê Thanh T và ông Phạm Ngọc B khai như sau: Khoảng 12 giờ ngày 09/12/2023, tại khu vực đường Đ, tổ 03, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, các ông chứng kiến tổ công tác của công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tạm giữ bị cáo Lưu Xuân C, bị cáo C tự

giác lấy từ túi quần bên phải của bị cáo ra 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu xanh giao nộp cho tổ công tác và khai nhận đó là ma túy đá mục đích để sử dụng cho bản thân, tổ công tác đã niêm phong túi ma túy. Tại trụ sở Công an phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tổ công tác kiểm tra thu tại túi quần bên trái của bị cáo C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, thu tại túi quần hậu bên phải của bị cáo C 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Xuân C, kiểm tra xe mô tô của bị cáo C không phát hiện được gì.

Cáo trạng số 22/CT - VKSTPTB ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lưu Xuân C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Xuân C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Xuân C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lưu Xuân C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/12/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng bằng hình thức: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo hoàn lại sau giám định; chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Xuân C và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RS, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 17B9-123.45 do chị Phạm Thị H (vợ của bị cáo) được bị cáo C ủy quyền nhận lại tài sản.

- Về án phí: Bị cáo Lưu Xuân C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lưu Xuân C xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Bản Kết luận giám định; Lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh về hành vi phạm tội của bị cáo thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 09/12/2023 tại khu vực đường Đ, tổ 03, phường K, thành phố B, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang bị cáo Lưu Xuân C có hành vi tàng trữ trái phép 01 túi ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2360 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bắt quả tang. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ các tác hại do ma túy gây ra cũng như phải hiểu được các quy định của pháp luật về việc nghiêm cấm đối với mọi hành vi liên quan đến ma túy, song để đạt được nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên bị cáo đã cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét, hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều 249 - Tội tàng trữ trái phép chất ma túy: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) ...; c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”*. Như vậy, hành vi của bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội là để đạt được nhu cầu sử dụng

ma túy của bản thân nên bị cáo không tuân thủ pháp luật, vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính, bị toà án áp dụng hình phạt tù nên cần xem xét khi lượng hình; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, có bố để được Nhà nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất nên khi áp dụng hình phạt bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là phạt tù có thời hạn - buộc bị cáo cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của 01 người nam giới không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý người bán ma túy cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Số ma túy loại Methamphetamine thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định, là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về tài sản khác:

[7.1] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân và 01 đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Xuân C, do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, ngày 27/12/2023 cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo do chị Phạm Thị H (vợ của bị cáo) được bị cáo ủy quyền nhận lại tài sản nên không phải giải quyết tại bản án này.

[7.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RS, màu đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát 17B9-123.45, qua điều tra xác định là tài sản chung của bị cáo C và chị Phạm Thị H (vợ bị cáo). Ngày 09/12/2023, bị cáo điều khiển xe đi mua ma túy để sử dụng, chị Hoà không biết. Chị Hoà có đơn xin lại tài sản nên ngày 27/12/2023 cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Hoà nên không phải giải quyết tại bản này.

[8] Về án phí: Bị cáo Lưu Xuân C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lưu Xuân C có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Xuân C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lưu Xuân C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ số ma túy loại Methamphetamine thu của bị cáo Lưu Xuân C hoàn lại sau giám định và bao gói.

Vật chứng có đặc điểm như ghi tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 09/12/2023; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, ngày 24/01/2024.

4. Về tài sản khác: Không phải giải quyết tại bản án này.

4. Án phí: Buộc bị cáo Lưu Xuân C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/02/2024.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hân